TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 5 – 2025

V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Minh

2. Ông Thạch Trường Quân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà V, Ty T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: E R,T, AL C, Hoa Kỳ.

- Bị đơn: Ông Thạch Chanh Ti Q, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 14/01/2025, nguyên đơn bà V,Ty T trình bày:*

Năm 2018 bà và ông Thạch Chanh T1 Quít quen biết và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2018 tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không được bao lâu thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng phong tục tập quán, quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà yêu cầu ly hôn với ông Thạch Chanh Ti Q.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 02/4/2025, bị đơn ông Thạch C Ti Quít trình bày:*

Ông và bà V, Ty T đăng ký kết hôn vào ngày 28/11/2018 tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên tình cảm không còn. Nay bà V, Ty T yêu cầu ly hôn ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà V, Ty T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa bà V, Ty T với ông Thạch C Ti Q là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩaViệt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự đang sinh sống tại nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Việt Nam.

Nguyên đơn bà V, Ty T và bị đơn ông Thạch Chanh Ti Q có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 86 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long ký cấp thì bà V, Ty T và ông Thạch Chanh Ti Q đã đăng ký kết hôn vào ngày 28/11/2018, do đó hôn nhân giữa bà V, Ty T và ông Thạch Chanh Ti Q là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà V, Ty T trình bày: Bà V, Ty T và ông Thạch Chanh T Q tiến tới hôn nhân. Trong quá trình chung sống bà V, Ty T và ông Thạch Chanh T Q phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo dài nên khởi kiện xin ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà V, Ty T và ông Thạch C Ti Quít không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, không chăm sóc, không yêu thương nhau. Hiện nay, bà V,Ty T đang sinh sống tại Hoa Kỳ còn ông Thạch Chanh Ti Q sinh sống tại Việt Nam. Đồng thời, ông Thạch Chanh Ti Q cũng đồng ý ly hôn với bà bà V, Ty T. Do bà V, Ty T và ông Thạch Chanh T Q vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của N làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà V, Ty T được ly hôn với ông Thạch Chanh T Q là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà V, Ty T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 123, Điều 126 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V, Ty T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà V, Ty T được ly hôn với ông Thạch Chanh Ti Q.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí:

Bà V, Ty T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015224 ngày 17/01/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà V,Ty T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- Chánh án; 01
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND H.TB; 01;
- Lưu: 05.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Thị Tư